

Bản án số: 163/2020/HS-ST
Ngày 12 - 11 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Bảo Hồng

Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh S Tùng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 174/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Trần Hoàng S; sinh năm 1995, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: 14 Đường A, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; **chỗ ở:** 61/11 Tổ 201, ấp 4A, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc U và bà Lê Mộng D; có vợ và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 07/01/2014, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Điều động hoặc giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ”. Bị cáo kháng cáo, ngày 23/4/2014, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2020 đến nay. (có mặt)

2. Phạm Minh T; sinh năm 1996, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: đường H, Phường N, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B

và bà Nguyễn Thị Kim G; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2020 đến nay (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 50 phút, ngày 04/6/2020, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh kết hợp cùng Công an Phường 4, Quận 8 tuần tra đến trước nhà số 47 Đường L, Phường K, Quận B thì phát hiện Trần Hoàng S đang điều khiển xe gắn máy biển số 59C1-96213 chở Phạm Minh T. Do Công an nghi vấn các đối tượng có liên quan đến ma túy nên yêu cầu dừng xe để kiểm tra, lúc này T dùng tay ném xuống đất 01 bịch khăn giấy ướt hiệu “Baby Luck” bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu thì bị Công an phát hiện, thu giữ (T và S khai nhận là ma túy đang đi bán cho người mua). Ngoài ra, Công an còn tạm giữ của S 01 điện thoại di động hiệu Nokia, 01 điện thoại di động hiệu Vivo, 01 túi vải màu đen và 01 xe gắn máy biển số 59C1-96213. Sau đó, Công an đưa S và T cùng vật chứng về trụ sở Công an Phường 4, Quận 8 lập biên bản phạm tội quả tang và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 điều tra, làm rõ.

Cùng ngày 04/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 phối hợp Công an xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh thi hành lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Hoàng S tại nhà số 61/11, ấp 4A, xã BH, huyện BC. Qua khám xét, Công an thu giữ trên nệm trong phòng của S gồm: 01 túi vải màu xanh đựng 03 đoạn ống nhựa chứa tinh thể không màu; 12 gói nylon chứa tinh thể không màu; 01 hũ nhựa đựng 01 gói nylon chứa tinh thể không màu; 03 gói nylon chứa tinh thể không màu và 01 cân tiểu ly.

Tại Kết luận giám định số: 951/KLGD-H ngày 12/6/2020, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Gói 1: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon (để trong 01 bịch khăn giấy ướt hiệu “Baby Luck”) được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Trần Hoàng S, Phạm Minh T và hình dấu Công an Phường 4, Quận 8 là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 5,4339g (năm phẩy bốn ba ba chín gam), loại Methamphetamine.

- Gói 2: Được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Trần Hoàng S và hình dấu Công an xã BH, huyện BC, bên trong có:

- + Tinh thể không màu trong 03 đoạn ống nhựa, đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,6837g (không phẩy sáu tám ba bảy gam), loại Methamphetamine.

- + Tinh thể không màu trong 12 gói nylon, đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 6,8799g (sáu phẩy tám bảy chín chín gam), loại Methamphetamine.

- + Tinh thể không màu trong 01 gói nylon (để trong 01 hũ nhựa), có khối lượng 7,4712g (bảy phẩy bốn bảy một hai gam), không tìm thấy ma túy.

- + Tinh thể không màu trong 03 gói nylon, đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 9,7503g (chín phẩy bảy năm không ba gam), loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra, Trần Hoàng S và Phạm Minh T khai nhận: Do không có nghề

nghiệp ổn định và muốn có tiền tiêu xài, từ tháng 3/2020, S bắt đầu thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Trong thời gian S bán ma túy, trung bình khoảng 02 ngày, T đến nơi ở của S tại nhà số 61/11 Tổ 201, ấp 4A, xã BH, huyện BC phụ giúp S bán ma túy để hưởng tiền công, S trả cho T 200.000 đồng/ngày. Khi có người liên hệ mua ma túy, S trực tiếp đem ma túy đi giao (bán) cho người mua hoặc S giao ma túy cho T đi bán lấy tiền về đưa lại cho S hoặc S và T cùng nhau đi bán. Khoảng 03 đến 04 ngày, S sử dụng số điện thoại 0909817321 liên hệ với người đàn ông tên Hải (không rõ lai lịch) mua ma túy với giá từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, rồi đem về nơi ở của S dùng dụng cụ phân chia ra thành nhiều gói nhỏ, đợi có người mua thì S và T đem bán.

Khoảng 13 giờ ngày 02/6/2020, S gọi điện thoại cho Hải hỏi mua 10.000.000 đồng ma túy, loại Methamphetamine, Hải đồng ý bán và điều khiển xe gắn máy (không rõ biển số) đến nơi ở của S bán cho S 01 gói nylon chứa ma túy. S và Hải thỏa thuận khi nào bán hết ma túy thì S sẽ trả tiền cho Hải. Mua được ma túy, S mang vào phòng của S dùng dụng cụ phân chia ra thành nhiều gói nylon nhỏ để bán. Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 04/6/2020, T đến nhà S phụ S bán ma túy. Đến khoảng 16 giờ 30 phút, cùng ngày 04/6/2020, có một thanh niên (không rõ lai lịch) gọi điện thoại đến số 0909817321 của S hỏi mua 2.500.000 đồng ma túy, loại Methamphetamine và hẹn giao ma túy tại trước trường đại học Nam Sài Gòn (đường Đường L, Phường K, Quận B). Thỏa thuận xong, S lấy 01 gói nylon chứa ma túy do S phân trước đó bỏ vào vỏ bọc khăn giấy ướt hiệu “Baby Luck” và cất giấu trong 01 túi vải màu đen, S đeo túi vải trên người rồi S cùng T đi giao ma túy. S điều khiển xe gắn máy biển số 59C1-96213 chở T, trên đường đi S nói T lấy gói khăn giấy ướt hiệu “Baby Luck” chứa ma túy ra chuẩn bị sẵn để bán cho người mua, T lấy ra và cầm trên tay. Khi cả hai đi đến trước nhà số 47 Đường L, Phường K, Quận B thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang như trên.

Gói nylon chứa 7,4712 (bảy phẩy bốn bảy một hai) gam tinh thể không màu để trong 01 hũ nhựa, qua giám định không phải là ma túy, S khai là của một người bạn (không rõ lai lịch) cho S trước ngày bị bắt khoảng 01 tháng. Trong thời gian mua bán ma túy, S thu lợi bất chính khoảng 10.000.000 đồng, đã tiêu xài cá nhân hết. T bán ma túy phụ giúp S được S trả công khoảng 2.500.000 đồng, đã tiêu xài cá nhân hết.

Xe mô tô biển số 59C1-96213, qua điều tra, xác minh do anh Lê Quang E, (sinh năm 1972, hộ khẩu thường trú: 414/28/1 Đường V, Phường M, Quận K) đứng tên đăng ký. Anh E khai đã bán xe trên cho anh Trần Trọng A (sinh năm 1976, hộ khẩu thường trú: 100/24 Đường R, Phường H, Quận B). Anh A khai đã bán xe trên cho Trần Hoàng S, việc mua bán giữa các bên không làm thủ tục sang tên theo quy định pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 173/CT-VKS ngày 07/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trần Hoàng S và Phạm Minh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo các điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Trần Hoàng S và Phạm Minh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, i khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ

sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Hoàng S từ 09 năm đến 10 năm tù; xử phạt bị cáo Phạm Minh T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo Trần Hoàng S số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng; Phạt bổ sung bị cáo Phạm Minh T số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy và các tinh thể không màu, các công cụ phạm tội thu giữ của các bị cáo; tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia, 01 xe gắn máy tạm giữ của bị cáo S do có dùng làm phương tiện phạm tội; trả lại bị cáo S 01 điện thoại di động hiệu Vivo do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận; các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định vào lúc 16 giờ 50 phút, ngày 04/6/2020, tại trước số 47 Đường L, Phường K, Quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh, các bị cáo Trần Hoàng S và Phạm Minh T có hành vi cất giữ trái phép ma túy ở thể rắn, có khối lượng 5,4339 (năm phẩy bốn ba ba chín) gam, loại Methamphetamine, mục đích để bán thì bị phát hiện, bắt quả tang. Ngoài ra, bị cáo S còn bị Công an phát hiện có hành vi tàng trữ 17,3139 (mười bảy phẩy ba một ba chín) gam ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine tại nơi ở của mình nhằm mục đích bán. Tổng khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ nhằm mục đích bán là 22,7478 (hai mươi hai phẩy bảy bốn bảy tám) gam, loại Methamphetamine.

[3] Mặc dù số ma túy Công an phát hiện khi thi hành lệnh khám xét là của bị cáo S mua từ đối tượng tên Hải nhưng bị cáo T có tham gia phụ giúp S bán số ma túy này nên các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm pháp lý đối với số ma túy tàng trữ. Đồng thời, qua điều tra, đối chất các bị cáo cùng thống nhất khai nhận, ngoài lần bị bắt quả tang vào ngày 04/6/2020 thì trước đó bị cáo T đã nhiều lần phụ giúp S bán ma túy để được S trả tiền công.

[4] Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” như sau:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

...

i) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”

[5] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy và an toàn xã hội. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Trần Hoàng S và Phạm Minh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[7] Năm 2014, bị cáo S bị kết án 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Điều động hoặc giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ”. Nhưng khi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được coi là không có án tích. Nhưng khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét để có mức hình phạt phù hợp với nhân thân bị cáo.

[8] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm nhưng chỉ mang tính nhất thời, giản đơn. Bị cáo S là người liên hệ mua ma túy; bị cáo T là người giúp sức cho bị cáo S bán ma túy. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét, quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, vai trò mỗi bị cáo.

[9] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo. Bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật

Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[10] Về hình phạt bổ sung, xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nhằm thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về vật chứng vụ án, quá trình điều tra thu giữ số ma túy trong gói niêm phong số 951/20 (gói 1, gói 2) là vật cấm tàng trữ, lưu hành; 01 túi vải màu đen và 01 cân tiểu ly là công cụ phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

[12] Số tinh thể không màu có khối lượng 7,4712 (bảy phẩy bốn bảy một hai) gam, qua giám định không phải là ma túy. Xét không có giá trị sử dụng nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

[13] - 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia tạm giữ của bị cáo S, xét bị cáo có dùng làm phương tiện liên lạc mua bán ma túy nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách.

[14] - 01 điện thoại di động hiệu Vivo tạm giữ của bị cáo S, xét không liên quan đến hành vi phạm tội nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo.

[15] Xe gắn máy biển số 59C1-96213, qua điều tra, xác minh do anh Lê Quang E đứng tên đăng ký và bán cho anh Trần Trọng A, sau đó Anh A bán lại cho bị cáo Trần Hoàng S. Như vậy, Anh E và Anh A không còn quyền lợi liên quan đến xe này. Xét thấy, mặc dù bị cáo S mua xe nhưng chưa làm thủ tục sang tên theo quy định pháp luật nhưng qua lời khai nhận như trên đã đủ căn cứ xác định bị cáo S là người quản lý hợp pháp của xe trên. Do bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách.

[16] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai nhận, trong thời gian mua bán ma túy, bị cáo S thu lợi khoảng 10.000.000 đồng, bị cáo T thu lợi khoảng 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Tuy nhiên, ngoài lời khai của các bị cáo thì không còn chứng cứ nào khác để xác định số tiền thu lợi bất chính như các bị cáo khai. Do vậy, Hội đồng xét xử không buộc nộp lại số tiền thu lợi bất chính mà xem xét mức phạt bổ sung.

[17] Đối với người đàn ông tên Hải bán ma túy cho các bị cáo và những người mua ma túy từ các bị cáo, do không xác định được lai lịch, quá trình điều tra không đưa vào tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[18] Căn nhà số 61/11, tổ 201, ấp 4A, xã BH, huyện BC, qua xác minh thuộc sở hữu của bà Trần Thị Mỹ (là bà nội của bị cáo S), việc S dùng nhà trên làm nơi cất giấu ma túy bà Mỹ không biết, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý nên không đề cập giải quyết.

[19] Về án phí hình sự: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Hoàng S và Phạm Minh T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

- Căn cứ vào các điểm b, i khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng S 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/6/2020.

Phạt bị cáo Trần Hoàng S số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào các điểm b, i khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Minh T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/6/2020.

Phạt bị cáo Phạm Minh T số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

+ 02 (hai) gói niêm phong bên ngoài ghi số: 951/20 (gói 1, gói 2), chữ ký giám định viên Huỳnh Thanh Thảo và cán bộ Lê Hoài An.

+ 01 (một) túi vải màu đen và 01 cân tiểu ly;

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia số IMEI1: 354491091169279, số IMEI 2: 354491093669276 (không kiểm tra tình trạng máy bên trong).

+ 01 xe gắn máy biển số 59C1-96213, số khung MH1KF4110JK187570, số máy KF41E1188332 (không kiểm tra tình trạng máy bên trong).

Trả lại bị cáo Trần Hoàng S: 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh (không kiểm tra tình trạng máy bên trong).

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/10/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8).

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc